

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/04/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dậu, Bà Lò Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX- ST ngày 11 tháng 03 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị Tr (tên gọi khác: Vàng Thị Ch) – Sinh năm: 1987; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn 1, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A Ch - Sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn 1, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản ghi ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vàng Thị Tr trình bày:

Chị Vàng Thị Tr và anh Giàng A Ch chung sống với nhau từ năm 2002 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 22/02/2002, cuộc sống chung của hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Ch hay uống rượu và thường xuyên chửi bới chị, không chăm lo đến đời sống chung của gia đình. Tuy được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh Giàng A Ch không thay đổi dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Giàng A Ch.

Về con chung: Hai người có 02 con chung là cháu Giàng Thị Th – SN: 11/5/2003, cháu Giàng Mạnh C – SN: 21/01/2011. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Giàng Mạnh C và không yêu cầu Giàng A Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Giàng Thị Th đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các văn bản ghi ý kiến của bị đơn và tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh Giàng A Ch nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống giữa hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, lúc anh uống rượu say hai bên có xảy ra cãi chửi nhau. Về hôn nhân bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp; về con chung bị đơn yêu cầu được nuôi cháu Giàng Mạnh C và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.490.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cháu Giàng Thị Th đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả tiền nuôi ăn học 90.000.000đồng và tiền cưới vợ 15.000.000đồng;

Về tài sản chung, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn: Chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của BLTTDS, được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai và tại phiên tòa mở ngày 30/3/2022.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Về con chung đề nghị giao cháu Giàng Mạnh C cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Về tài sản chung, nợ các bên không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; Về án phí: đề nghị áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vụ án có tính chất phức tạp nên Tòa án đã ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 30/3/2022 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vàng Thị Tr và anh Giàng A Ch chung sống với nhau từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND P, huyện C theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi đăng ký kết hôn các đương sự không xuất trình giấy tờ tùy thân, do hai bên gia đình tự khai Vàng Thị Tr sinh năm 1984, tự khai Giàng A Ch sinh năm 1982 để đủ độ tuổi đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân gia đình.

Theo các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp gồm: Sổ hộ khẩu gia đình, đăng ký kết hôn, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, hồ sơ cán bộ, công chức và căn cước công dân, cùng các văn bản xác minh tại Công an xã P, Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện C về tàng trữ sổ hóa căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thấy các chứng cứ đã thu thập được có căn cứ để xác định Vàng Thị Tr sinh năm 1984, sinh ngày 25/5/1988 và sinh ngày 10/5/1987 là cùng một người; Giàng A Ch sinh ngày 10/3/1982, sinh ngày 10/3/1986 và sinh ngày 11/3/1988 là cùng một người.

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập nêu trên và thông tin định danh cá nhân trong tàng trữ sổ hóa căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định Vàng Thị Tr sinh ngày 10/5/1987 và Giàng A Ch sinh ngày 11/3/1988.

Do đó khi đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 22/02/2002 chị Tr và anh Ch đều chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (chị Tr khi đăng ký kết hôn mới 14 tuổi 09 tháng 12 ngày, anh Ch mới 13 tuổi 11 tháng 11 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000), nhưng hiện nay chị Tr có yêu cầu ly hôn, còn anh Ch khẳng định tại thời điểm kết hôn hai bên đã đủ tuổi, nên đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân và không đồng ý ly hôn. Tại thời điểm yêu cầu giải quyết xin ly hôn, chị Tr và anh Ch đã có đủ điều kiện kết hôn. Do đó, căn cứ các Điều 8, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 có cơ sở xem xét, giải quyết cho ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, bị đơn hay uống rượu và thường xuyên chửi bới lẫn nhau, không quan tâm đến xây dựng cuộc sống gia đình, đã được khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh Ch không thay đổi, hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Qua đó xác định tình cảm của nguyên đơn đối với bị đơn đến nay không còn, tình trạng hôn nhân là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Ch là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị Tr.

[3] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy hai người có 02 con chung là cháu Giàng Thị Th, cháu Giàng Mạnh C, do cháu Th đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng các bên không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được việc

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giàng Mạnh C, các bên đều yêu cầu được nuôi cháu Giàng Mạnh C. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.490.000đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh thực tế của từng bên và đảm bảo về vật chất cũng như tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy anh Ch là lao động phổ thông, nghề nghiệp không ổn định, thu nhập chủ yếu là làm ruộng và đi làm thuê theo các công trình xây dựng, thường xuyên đi làm xa nhà. Qua xem xét thấy anh Ch có thu nhập nhưng không ổn định. Chị Tr là kế toán của UBND xã S, huyện C có thu nhập thường xuyên ổn định qua lương. Sau khi xem xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cũng như xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên cháu Giàng Mạnh C mong muốn ở với mẹ, do đó HĐXX thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần giao cháu Giàng Mạnh C cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Tr không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Các vấn đề khác có liên quan:

Do bị đơn không đồng ý ly hôn, nên tại phiên tòa bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền 90.000.000đồng bị đơn nuôi nguyên đơn ăn học trong thời gian từ lớp 6 đến học chuyên nghiệp và tiền cưới xin 15.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình, nên HĐXX không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Các bên không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Thị Tr phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các Điều 8, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT –TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vàng Thị Tr.

1. Về hôn nhân: Chị Vàng Thị Tr được ly hôn với anh Giàng A Ch.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

Giao cho chị Vàng Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Giàng Mạnh C – sinh ngày 21/01/2011.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, giải quyết nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Thị Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008505 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị Vàng Thị Tr đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/04/2022).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tòa Chùa;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tòa Chùa;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Tòng Thị Lan